

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2020/KDTM-PT

Ngày: 12-3-2020

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 02, ngày 10 và 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 145/2019/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng thi công”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2019/KDTM-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6201/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Kiến trúc & Xây dựng A

Địa chỉ: Số 79C đường ĐBP, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn T (theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2018) (có mặt).

Địa chỉ: Số 343 đường BHN, phường BH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Phúc H, Luật sư của Văn phòng Luật sư NPH thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt ngày 11/02/2020, vắng mặt ngày 10 và 12/3/2020).

2. Bị đơn: Công ty TNHH J

Địa chỉ: Số 117-119-121 đường ND, phường BTh, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Phương Th và bà Trâm Ngọc Phương Nh (theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2019) (bà Nh có mặt; bà Th vắng mặt ngày 11/02/2020, có mặt ngày 10 và 12/3/2020).

Địa chỉ: Số 117-119-121 đường ND, phường BTh, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH J.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, bản tự khai, tường trình và các tài liệu chứng cứ kèm theo, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/8/2017, bên A là Công ty TNHH F (nay là Công ty TNHH J– sau đây gọi tắt là Công ty J) và bên B là Công ty Cổ phần Kiến trúc & Xây dựng A (gọi tắt là Công ty A) có ký kết thỏa thuận hợp đồng số 2017-A/FICE-001 hợp đồng xây dựng (gọi tắt là hợp đồng) với các nội dung chính sau:

Hợp đồng số 1. Phạm vi công việc: Bên A thuê công ty A thuê công ty J thực hiện hoàn thành dự án Kid Cafe1 tại 39 Xuân Thủy, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, bên B hoàn thành công việc xây dựng theo bản vẽ được phê duyệt bởi bên A;

Thời gian hoàn thành công việc: Bên B hoàn thành công việc trong 06 tuần tính từ ngày 28/8/2017 và bàn cho bên A trễ nhất vào ngày 16/10/2017;

Giá trị hợp đồng: Bên A đồng ý thanh toán cho bên B thi công hoàn thiện dự án Kid Cafe1 với giá trị trước thuế là 3.408.750.000 đồng, giá trị sau thuế là 3.749.625.000 đồng (cộng thêm 10% thuế VAT) kèm theo Bảng khối lượng [BOQ.001] ngày 28/8/2017 được xác định bởi bên A và bên B. Sau đó hai bên thống nhất lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá thi công theo bảng khối lượng ký hiệu [BOQ.002]

Hai bên có ký biên bản chốt công nợ ngày 15/10/2018 xác nhận tổng công nợ đến khi khởi kiện thì bị đơn chưa thanh toán các hợp đồng nêu trên là 1.215.609.984 (một tỉ hai trăm mười lăm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm tám mươi bốn) đồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ngày 22/4/2019 bị đơn đã trả thêm số tiền là 423.405.781 (Bốn trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm tám mươi một) đồng. Ngày 25/4/2019, nguyên đơn có giao các hóa đơn chứng từ thanh toán cho bị đơn, nhưng do chưa nhận được thanh toán đợt 02 theo thời hạn đã thỏa thuận nên ngày 07/5/2019 ông Công là đại diện theo pháp luật của Công ty đã đến nhận lại 02 Hóa đơn 85, 86 ngày 25/4/2019. Ngày 08/5/2019 bị đơn đã trả thêm 65.261.598 đồng và 57.003.980 đồng.

Ngày 18/6/2019, Nguyên đơn đã giao các hóa đơn 85, 86 ngày 25/4/2019 cho bị đơn, nhưng đến nay đã quá thời hạn 05 ngày theo thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại. Vì lý do bị đơn vi phạm thỏa thuận, không thanh toán đúng hạn khoản tiền của lần thanh toán thứ 2 nên nguyên đơn không

chấp nhận đóng dấu vào văn bản thỏa thuận ngày 17/4/2019 và không còn chấp nhận giảm nợ. Vì vậy, nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại là 708.654.651 đồng, lãi chậm thanh toán từ tháng 08/2018 đến ngày Tòa án giải quyết vụ việc, tạm tính là 106.823.945 đồng. Tổng cộng là: 815.478.596 đồng.

* Tại các bản khai, biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Quá trình ký kết hợp đồng thi công xây dựng các công trình đúng như nguyên đơn trình bày. Công ty A đã chốt lại công nợ theo đơn khởi kiện là 1.215.609.984 đồng. Tuy nhiên, do công ty J gặp khó khăn về tài chính chưa thanh toán hết số tiền còn nợ công ty A khởi kiện. Khi Tòa án thụ lý và hòa giải thì giữa công ty J và công ty A có thỏa thuận ký văn bản giải quyết ngày 17/4/2019 với nội dung: Công ty J sẽ thanh toán cho công ty A số tiền tính đến nay là 855.885.661 (tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi một) làm hai đợt: Đợt 1 vào ngày 19/4/2019 sẽ trả 423.405.781 đồng; đợt 2 sẽ được trả sau khi nhận đủ toàn bộ tài liệu nêu trên từ công ty A trong 05 ngày kể từ ngày nhận đủ tài liệu. Như vậy, theo thỏa thuận ngày 17/4/2019 có ký kết của đại diện pháp luật của hai bên có giá trị thực hiện nên ngày 22/4/2019 bị đơn đã trả 423.405.781 (Bốn trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm tám mươi một) đồng. Ngày 08/5/2019, bị đơn đã trả thêm 65.261.598 đồng và 57.003.980 đồng. Tính đến nay, bị đơn đã thanh toán 2/3(hai phần ba) số công nợ mà 02 bên đã thỏa thuận lại theo biên bản thỏa thuận ngày 17/4/2019. Về phần số tiền nợ còn lại, do ngày 07/5/2019, ông Ngô Lê Vĩnh Công là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã yêu cầu lấy lại các hóa đơn 0000085 ngày 25/4/2019, hóa đơn 0000086 ngày 25/4/2019 cùng các tài liệu thanh toán khác cho khoản nợ này, bị đơn đã trả lại cho ông Công (có biên bản giao nhận do ông Công ký tên). Do đó, bị đơn chưa thể trả toàn bộ số tiền đợt hai.

Ngày 18/6/2019, công ty A có gửi hóa đơn 85, 86 ngày 25/4/2019 cho công ty J. Tuy nhiên, lại gửi kèm 02 biên bản hủy bỏ 02 hóa đơn trên và yêu cầu bị đơn ký vào 02 biên bản hủy hóa đơn này. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu ký 02 biên bản này nên đã liên hệ qua điện thoại với kế toán của nguyên đơn và được xác nhận rằng nếu bị đơn thanh toán số tiền còn lại trong một lần trả thì nguyên đơn sẽ không yêu cầu ký hủy hóa đơn. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn, nên đề nghị Tòa án và nguyên đơn xem xét cho bị đơn trả dần khoản nợ nêu trên, mỗi tháng trả bằng đồng Việt Nam với mức tương đương 5000USD (qui đổi giá trị thực tế đồng Việt Nam) khi thanh toán cho đến khi hết số tiền còn nợ là 310.214.302 đồng.

Về thỏa thuận ngày 17/4/2019, bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của thỏa thuận này. Theo ý kiến của bị đơn, thỏa thuận này có hiệu lực ràng buộc các bên kể cả khi nguyên đơn không đóng dấu. Chữ ký của đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là có đủ hiệu lực pháp luật theo qui định tại 44 Luật Doanh nghiệp con dấu không còn là tài sản của Doanh nghiệp, doanh nghiệp tự

quản lý, sử dụng con dấu. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền là 708.654.651 đồng và lãi chậm thanh toán từ tháng 08/2018 đến ngày Tòa án giải quyết vụ án là 106.823.945 đồng. Tổng cộng là: 815.478.596 đồng. Công ty J chỉ đồng ý thanh toán số tiền còn theo văn bản thỏa thuận ngày 17/4/2019 là 310.214.302 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2019/KDTM-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên như sau:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là công ty Cổ phần Kiến trúc & Xây dựng A.

1. Buộc công ty TNHH J (tên cũ là: công ty TNHH F - theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một Thành viên, mã số doanh nghiệp 0313880948 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/9/2018) trả số tiền là 827.630.205 (tám trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, hai trăm lẻ năm) đồng (trong đó: nợ gốc là 708.654.651 đồng và lãi chậm thanh toán 118.975.554 đồng) theo các hợp đồng số 2017-A/FICE-001 ngày 28/8/2017; hợp đồng thi công số 2018-J.[002] ngày 18/5/2018.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2019, Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất số tiền gốc và lãi cần phải thanh toán cụ thể là: Tiền gốc: 708.654.651 đồng và Tiền lãi: 66.603.242 đồng. Các bên không thống nhất về thời hạn thanh toán. Bị đơn đề nghị thanh toán số nợ nêu trên chia đều trả dần trong vòng 36 tháng kể từ tháng này. Nguyên đơn không đồng ý về thời hạn trả nợ của Bị đơn và yêu cầu Bị đơn trả số nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất của Nguyên đơn và Bị đơn về số tiền gốc và lãi còn phải thanh toán. Tuy nhiên, các

bên không thống nhất về phương thức thanh toán. Đối với đề nghị của Bị đơn kéo dài thời hạn thanh toán sẽ làm thiệt hại đến quyền lợi của Nguyên đơn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bị đơn trả số tiền nợ nêu trên cho Nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất số nợ gốc: 708.654.651 đồng và nợ lãi do chậm thanh toán: 66.603.242 đồng, tổng cộng số nợ còn phải thanh toán là 775.257.893 đồng cụ thể :

- Đối với Hợp đồng số 2017-A/FICE-001 ngày 28/8/2017 còn nợ gốc là 663.358.169 đồng và nợ lãi là 53.068.653 đồng;

- Đối với Hợp đồng thi công số 2018-J.[002] ngày 18/5/2018 còn nợ gốc là 45.296.482 đồng và nợ lãi là 13.534.589 đồng.

Các bên không thống nhất về thời hạn thanh toán. Bị đơn đề nghị thanh toán số nợ nêu trên chia đều trả dần trong vòng 36 tháng kể từ tháng này do tài chính của Bị đơn hiện tại có khó khăn nên không thể trả ngay. Nguyên đơn không đồng ý về thời hạn trả nợ của Bị đơn và yêu cầu Bị đơn trả số nợ nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn cho Nguyên đơn đã đến hạn, việc Bị đơn đề nghị thanh toán dần trong vòng 36 tháng là không có căn cứ để chấp nhận. Việc kéo dài thời hạn thanh toán sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nguyên đơn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là buộc Bị đơn trả nợ gốc: 708.654.651 đồng và nợ lãi: 66.603.242 đồng cho Nguyên đơn sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Sửa án phí sơ thẩm đối với số nợ Bị đơn còn phải thanh toán cụ thể án phí Bị đơn phải chịu là $775.257.893 \text{ đồng} \times 5\% = 38.762.894 \text{ đồng}$.

Đây là vụ án kinh doanh thương mại nên nghĩa vụ thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Do vậy, Án sơ thẩm nêu “Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015” là không phù hợp nên sửa lại phần này của án sơ thẩm như sau:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định sửa bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên.

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí phúc thẩm như sau: Do sửa bản án sơ thẩm nên Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Bị đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0005174 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Tuyên xử:

Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Buộc Công ty TNHH J (tên cũ là: công ty TNHH F - theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một Thành viên, mã số doanh nghiệp 0313880948 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/9/2018) trả số tiền là 775.257.893 đồng (trong đó: nợ gốc: 708.654.651 đồng và nợ lãi: 66.603.242 đồng) theo các hợp đồng số 2017-A/FICE-001 ngày 28/8/2017; hợp đồng thi công số 2018-J.[002] ngày 18/5/2018 cho Công ty TNHH Kiến trúc & Xây dựng A ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 38.762.894 đồng do Công ty TNHH J chịu.

Công ty TNHH Kiến trúc & Xây dựng A không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty TNHH Kiến trúc & Xây dựng A số tiền tạm ứng án phí là 26.530.992 đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0007160 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng cho Công ty TNHH J theo Biên lai thu số AA/2019/0005174 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ủ Thị Bạch Yến